

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

### I/ THÔNG TIN CHUNG.

#### 1/- Thông tin khái quát.

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 0203000684, ngày 09/01/2004, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai số: 0200575848 ngày 03/3/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.
- Vốn điều lệ: 10.376.260.000đ.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 10.376.260.000đ.
- Địa chỉ: Km 89, Quốc lộ 5 mới, Xã Nam sơn, Huyện An dương, Thành phố Hải Phòng.
- Số điện thoại: 0225.3846804.
- Số Fax: 0225.3846805.
- Website: Cokhichetaohaiphong.com.
- Mã chứng khoán: CKH
- Quá trình hình thành và phát triển.

+ Doanh nghiệp được thành lập ngày 10/9/1959, có tên là Xí nghiệp Công tư hợp doanh Cơ khí Kiến Thiết Hải Phòng.

Năm 1983 đổi tên thành nhà máy Cơ khí Chế tạo Hải Phòng, trực thuộc UBND thành phố Hải Phòng.

Năm 1997, Nhà máy chuyển về trực thuộc TCT Máy &TBCN (Bộ Công Nghiệp).

Tháng 12/2003 chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng, Nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ, bán cho CNLD nắm giữ 49% vốn điều lệ, tổng vốn điều lệ là 7.872.700.000đ.

Tháng 5/2006 bán tiếp 41% vốn nhà nước cho CNLD và người ngoài Công ty, Nhà nước còn nắm giữ 10% vốn điều lệ.

Tháng 6/2008 tăng vốn điều lệ lên 10.376.260.000đ từ nguồn vốn phát triển SXKD của Công ty, theo phương thức thưởng Cổ phần cho các cổ đông hiện hữu.

+ Về niêm yết: Giao dịch trên thị trường Upcom.

- Về các sự kiện khác: Không có gì đặc biệt.

#### 2/- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;

- Địa bàn kinh doanh:

+ Các địa phương trong toàn quốc.

+ Các hãng nước ngoài (như Hoa Kỳ).

#### 3/- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

- Mô hình quản trị:

Công ty là đơn vị SXKD độc lập, có đủ tư cách pháp nhân và là thành viên liên kết của Tổng công ty máy & TBCN-CTCP.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Công ty gồm có các Phòng, ban nghiệp vụ và kỹ thuật, các phân xưởng SX và phục vụ.

+ Các Phòng ban nghiệp vụ và kỹ thuật có:

1. Phòng Tổ chức lao động tiền lương.
2. Phòng Tài chính kế toán.
3. Phòng Cung tiêu.
4. Phòng KTSX.
5. Phòng Cơ điện.
6. Ban giá thành và Hợp đồng kinh tế.
7. Ban đầu tư, phát triển và đổi mới công nghệ.
8. Ban môi trường và an toàn lao động.
9. Thường trực ISO 9001 – 2015.

+ Các phân xưởng sản xuất:

- 1- Phân xưởng Cơ khí.
- 2- Phân xưởng Lắp ráp.

#### **4/- Định hướng phát triển bền vững.**

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Không ngừng phát triển các sản phẩm cơ khí có độ chính xác cao, nhất là máy công cụ, đồng thời duy trì các sản phẩm kim khí tiêu dùng với tỷ lệ hợp lý; nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Trong vòng 5 ÷ 10 năm tới: Giữ vững số lượng lao động khoảng 73 người nhưng phải nâng cao hơn chất lượng lao động; tăng cường và đổi mới thiết bị máy móc để tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm; có thể mở rộng quy mô sản xuất khi có điều kiện và nâng cao hiệu quả SXKD.

**5/- Các rủi ro:** Giảm được rủi ro về môi trường, giao thông ...

## **II/ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020**

### **1/- Tình hình hoạt động SXKD trong năm**

**a. Kết quả hoạt động SXKD năm 2020:** Đã tăng nhanh sản phẩm máy công cụ truyền thống, nhất là máy xuất khẩu cho Hoa Kỳ đạt tới 98% tổng sản phẩm. Nộp BHXH, BHYT và BH thất nghiệp giảm do số lao động đóng bảo hiểm giảm; số lao động giảm nhưng thu nhập của CNLĐ tăng nhiều. Thị trường xuất khẩu có triển vọng tốt. Công ty chủ trương tăng nhanh sản xuất máy công cụ xuất khẩu và chỉ sản xuất các sản phẩm có lãi và tăng năng suất lao động để cải thiện đời sống CNLĐ.

**b. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu SXKD so với kế hoạch và năm trước.**

- Doanh thu SXCN đạt 28,000 tỷ đồng = 107% KH; = 82% năm 2019.
- Nộp BHXH, BHYT và BHTN: 1,121 tỷ đồng = 90% KH; = 83% năm 2019.
- Khấu hao cơ bản trích: 3,400 tỷ đồng = 90% KH; = 151% năm 2019.
- Đầu tư thiết bị: 58 Tr đồng = 13% KH; = 46% năm 2019.
- Lợi nhuận trước thuế: (2,393) tỷ đồng
- Bình quân lao động: 73 người = 90%KH; = 78% năm 2019.

- Thu nhập bình quân 1 người/1 tháng: 11.200.000đ = 110%KH; = 110% năm 2019.
- Dự kiến cổ tức: 10% VDL = 100%KH; = 100% năm 2019.

## 2/- Tổ chức và nhân sự

### a. Danh sách ban điều hành.

- Chủ tịch HĐQT Lê Thanh Tùng, sinh năm 1945, là Kỹ sư Cơ khí, trình độ chính trị cao cấp; sở hữu 133.051 cổ phần = 12,80%.

- Giám đốc Bùi Hữu Thông, sinh năm 1951, là Kỹ sư Cơ khí, trình độ chính trị trung cấp; sở hữu 65.150 cổ phần = 6,27%.

- Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng Nguyễn Chung Hiếu, sinh năm 1960, cử nhân kinh tế, sơ cấp chính trị, sở hữu 60.202 cổ phần = 5,8%.

### b. Những thay đổi trong Ban điều hành:

- PGĐ Lê Hoàng Hà nghỉ hưu từ tháng 6/2020

- PGĐ Đào Kim Lợi nghỉ hưu từ tháng 6/2020

### c. Số lượng cán bộ, nhân viên. - Tổng số cán bộ, CNLĐ: 73 người.

- Các chính sách đối với người lao động: 100% CNLĐ được hưởng các chế độ, chính sách theo bộ luật lao động và các quy định của nhà nước, theo các quy chế của công ty, nhất là về việc làm, HĐLĐ, tiền lương, tiền thưởng, tiền ăn ca, BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn, nghỉ lễ, nghỉ phép ...

## 3/- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn: Không có

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

## 4/- Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính:

| Chỉ tiêu                            | Năm 2019 (đ)    | Năm 2020 (đ)    | % tăng giảm |
|-------------------------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| - Tổng giá trị tài sản              | 58.702.900.495  | 55.205.122.539  | 94%         |
| - Doanh thu                         | 34.249.909.989  | 27.999.817.201  | 82%         |
| - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | (1.151.762.163) | (761.286.610)   |             |
| - Lợi nhuận khác                    | 0               | 0               |             |
| - Lợi nhuận trước thuế              | (1.151.762.163) | (2.393.340.047) |             |
| - Lợi nhuận sau thuế                | (1.158.276.444) | (2.396.417.058) |             |
| - Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức        |                 |                 |             |

Các chỉ tiêu khác trong 2 năm 2019 và 2020.

| Chỉ tiêu                     | Năm 2019 (đ) | Năm 2020 (đ) |
|------------------------------|--------------|--------------|
| - Trả lãi vay ngân hàng      | 0            | 0            |
| - Thu lãi tiền gửi ngân hàng | 76.866.024   | 46.080.967   |
| - Trả lãi vay CBCNV          | 41.057.333   | 116.285.019  |

**b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

| Chỉ tiêu  | Năm 2019       | Năm 2020       | Ghi chú |
|---|----------------|----------------|---------|
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                     |                |                |         |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn                                   |                |                |         |
| Tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn                                 | 5,7            | 4,9            |         |
| + Hệ số thanh toán nhanh                                      |                |                |         |
| * Tài sản ngắn hạn  | 22.795.795.620 | 22.776.233.770 |         |
| Hàng tồn kho  | 17.120.036.600 | 18.875.329.205 |         |
| Nợ ngắn hạn   | 4.002.567.935  | 4.620.849.822  |         |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                              |                |                |         |
| + Hệ số nợ/Tổng tài sản                                       | 0,07           | 0,08           |         |
| + Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu                                     | 0,07           | 0,09           |         |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                      |                |                |         |
| + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn HH/ Hàng tồn kho            | 1,6            | 1,2            |         |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                       |                |                |         |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần                    | -              | -              |         |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu                     | -              | -              |         |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản                       | -              | -              |         |
| + Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/<br>Doanh thu thuần | -              | -              |         |

**5/- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**a. Cổ phần**

- Tổng số cổ phần: 1.037.626 cổ phần.
- Loại cổ phần: phổ thông
- Số cổ phần được chuyển nhượng tự do: 1.037.626 cổ phần.
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

**b. Cơ cấu cổ đông**

- Số cổ đông lớn (nắm giữ trên 50.000 CP): 7 cổ đông nắm giữ 581.267 CP.
- Số cổ đông nhỏ (nắm giữ dưới 50.000 CP): 121 cổ đông nắm giữ 456.359 CP.
- Cổ đông nhà nước (Tổng Công ty Máy & TBCN): 01 cổ đông nắm giữ 103.769 CP.
- Cổ đông cá nhân: 127 cổ đông nắm giữ 933.857 CP.
- Cổ đông trong nước: 128 cổ đông nắm giữ 1.037.626 cổ phần.
- Cổ đông nước ngoài: Không có.

**c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi**

**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ.**

- Số lượng cổ phiếu hiện tại: 128 cổ phiếu = 1.037.626 cổ phần.
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm.

- + Số cổ đông năm 2019: 129
- + Số cổ đông năm 2020: 128
- + Thời điểm giao dịch: cuối năm 2020.
- + Số cổ đông có sự thay đổi cổ phần: 01 cổ đông giảm.
- + Giá giao dịch: Thỏa thuận bằng mệnh giá.

e. Các chứng khoán: Không có

## 6/- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

### 6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu.

- a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng: 500 tấn.
- b. Tỷ lệ nguyên vật liệu được tái chế: 0

### 6.2 Tiêu thụ năng lượng

- a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp trong năm: 400.000 kwh điện.
- b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 8.000 kwh điện.
- c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (điện): Có 15 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giảm được tiêu thụ điện năng 5.000 kwh điện.

### 6.3 Tiêu thụ nước

- a. Nguồn cung cấp nước do công ty TNHH xây dựng và thương mại Nam Sơn cấp. Lượng nước sử dụng trong năm là: 1.100 m<sup>3</sup>.
- b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0 %.

### 6.4 Tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường

- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0
- b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0

### 6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

- a. Số người lao động: 73 người. Mức lương trung bình đối với NLĐ: 11.200.000đ.
- b. Chính sách LĐ nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.
  - Đảm bảo 100% CNLĐ được HĐLĐ, việc làm ổn định, mua BHXH, BHYT, BHTN và BH tai nạn, nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ Tết, nghỉ hè tại chỗ, ăn ca.
  - CNLĐ ốm đau, khó khăn được thăm hỏi, trợ cấp.
  - Điều kiện làm việc luôn được cải thiện, đảm bảo tốt vệ sinh công nghiệp, môi trường; thực hiện tốt an toàn lao động ...
- c. Hoạt động đào tạo người lao động.
  - Công nhân mới vào làm việc nếu chưa qua trường dạy nghề thì được công ty đào tạo tại chỗ dưới 3 tháng.
  - Công nhân và nhân viên thường xuyên được đào tạo theo cách giúp nhau ôn luyện tay nghề, chuyên môn, nghiệp vụ. Một số được cho đi học đại học, cao đẳng, sơ cấp, tại chức.
  - Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục hỗ trợ NLĐ đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp. Tổ chức phong trào ôn luyện tay nghề, thi chọn thợ giỏi, thợ đầu đàn, thi tay nghề, nâng bậc, nâng lương ...

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Công ty có trách nhiệm tích cực trong quan hệ với cộng đồng địa phương.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UB CKNN: Chưa làm được nhiều.

### III/ BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1/- Đánh giá kết quả hoạt động SXKD

- Năm 2020, thừa hưởng kết quả của chương trình 3 năm cơ cấu lại sản phẩm và tổ chức sản xuất (2017-2019), công ty đã vượt qua nhiều khó khăn thách thức do đại dịch Covid-19 và đã hoàn thành các mục tiêu cơ bản của kế hoạch năm 2020

- Công ty xác định nghề cơ khí chế tạo máy là thế mạnh của công ty không chỉ hiện tại mà trong nhiều năm nữa. Lần đầu tiên sau 17 năm, gần như 100% sản phẩm của công ty là máy công cụ xuất khẩu. Gần 600 máy công cụ hoàn chỉnh được xuất khẩu đều đặn đến thị trường Mỹ mang lại uy tín lớn cho công ty, mang lại công việc ổn định với thu nhập khá cho người lao động. Các máy móc thiết bị hoạt động hết công suất. Chất lượng sản phẩm xuất khẩu bảo đảm chất lượng cao. Có sản phẩm được đăng ký bảo hộ độc quyền tại Mỹ. Đó là chỗ dựa vững chắc để công ty xây dựng kế hoạch sản xuất năm 2021

#### 2/- Tình hình tài chính

a/ Tình hình tài sản:

|  |            |    | <u>31/12/2020</u>     | <u>01/01/2020</u>     |
|--|------------|----|-----------------------|-----------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |    | <b>22.776.233.499</b> | <b>22.795.795.620</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> |    | <b>990.941.770</b>    | <b>3.013.478.909</b>  |
| 1. Tiền                                      | 111        | 5  | 490.941.770           | 513.478.909           |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |    | 500.000.000           | 2.500.000.000         |
| <b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>       | <b>130</b> |    | <b>2.509.557.172</b>  | <b>2.284.597.023</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 6  | 2.376.106.780         | 2.280.829.900         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        |    | 133.068.200           | -                     |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 7  | 382.192               | 3.767.123             |
| <b>III. Hàng tồn kho</b>                     | <b>140</b> |    | <b>18.875.329.205</b> | <b>17.120.036.600</b> |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        | 8  | 18.875.329.205        | 17.120.036.600        |
| <b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>             | <b>150</b> |    | <b>403.531.769</b>    | <b>377.683.088</b>    |
| 1. Thuế GTGT được khấu trừ                   | 152        |    | 400.405.352           | 377.683.088           |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |    | <b>32.428.889.040</b> | <b>35.907.104.875</b> |
| <b>I. Tài sản cố định</b>                    | <b>220</b> |    | <b>32.326.924.040</b> | <b>35.670.722.951</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | 9  | 32.326.924.040        | 35.670.722.951        |
| - Nguyên giá                                 | 222        |    | 66.689.175.131        | 67.081.670.110        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223        |    | (34.362.251.091)      | (31.410.947.159)      |
| <b>II. Tài sản dài hạn khác</b>              | <b>260</b> |    | <b>101.965.000</b>    | <b>236.381.924</b>    |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        | 10 | 101.965.000           | 236.381.924           |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>       | <b>270</b> |    | <b>55.205.122.539</b> | <b>58.702.900.495</b> |

b/ Tình hình nợ phải trả.

|  |               | <u>31/12/2020</u>     | <u>01/01/2020</u>     |
|--|---------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                          | <b>300</b>    | <b>7.820.849.822</b>  | <b>4.002.567.935</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                          | <b>310</b>    | <b>4.620.849.822</b>  | <b>4.002.567.935</b>  |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                 | 311 11        | 797.788.251           | 1.145.069.346         |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | 313 12        | 33.974.356            | 72.735.331            |
| 3. Chi phí phải trả ngắn hạn                   | 315 13        | 132.913.530           | 33.877.029            |
| 4. Phải trả ngắn hạn khác                      | 319 14        | 758.892.724           | 710.493.124           |
| 5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn           | 320 15.1      | 700.000.000           | -                     |
| 6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                   | 322           | 2.197.280.961         | 2.040.393.105         |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                          | <b>330</b>    | <b>3.200.000.000</b>  | <b>-</b>              |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn            | 338 15.2      | 3.200.000.000         | -                     |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                       | <b>400</b>    | <b>47.384.272.717</b> | <b>54.700.332.560</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>410 16</b> | <b>47.384.272.717</b> | <b>54.700.332.560</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                      | 411 16a       | 10.376.260.000        | 10.376.260.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 411a          | 10.376.260.000        | 10.376.260.000        |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển                       | 418 16        | 4.255.153.549         | 4.255.153.549         |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421 16b       | 32.752.859.168        | 40.068.919.011        |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a          | 35.149.276.226        | 41.227.195.455        |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                   | 421b          | (2.396.417.058)       | (1.158.276.444)       |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                     | <b>440</b>    | <b>55.205.122.539</b> | <b>58.702.900.495</b> |
| <b>(440=300+400)</b>                           |               |                       |                       |

### 3/- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

-Đã có nhiều cải tiến mang lại hiệu quả thiết thực.

### 4/- Kế hoạch phát triển trong tương lai

Đổi mới mô hình tăng trưởng, đổi mới doanh thu, tăng cường doanh thu máy công cụ, không sản xuất các sản phẩm không có lãi; giữ nguyên số lao động nhằm tăng cường lợi nhuận và ổn định thu nhập của CNLĐ.

### 5/- Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có ý kiến. Chấp thuận hoàn toàn ý kiến kiểm toán

### 6/- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Công ty đã di dời ra ngoài thành nên không có ảnh hưởng không tốt đến môi trường xung quanh.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Thu nhập của người lao động dần tăng cao.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Thể hiện trách nhiệm tích cực đối với cộng đồng.

### IV/ ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1/- Đánh giá của HĐQT về các hoạt động của công ty

Năm 2020 mặc dù công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn, nhưng công ty đã nỗ lực phấn đấu, chủ động, sáng tạo nên đã hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu về SXKD, xây dựng đời sống CNLĐ, bảo vệ môi trường, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn công ty và địa bàn; giữ vững và đẩy mạnh các phong trào của CNLĐ và phát triển công ty bền vững.

### 2/- Đánh giá của HĐQT về các hoạt động của Ban Giám đốc.

Ban giám đốc, từng thành viên trong Ban giám đốc đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

### 3/- Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

- Năm 2021 tiếp tục phát huy những giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm đã xây dựng từ năm 2020 đồng thời bổ sung các giải pháp về quy trình công nghệ để ổn định chất lượng sản phẩm. Đây chính là yếu tố thành, bại của Công ty khi xuất khẩu sản phẩm cơ khí.
- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên Công ty sẽ có biện pháp sử dụng lao động hợp lý khi đơn hàng có thể không ổn định vào 6 tháng cuối năm 2021.

### V/ QUẢN TRI CÔNG TY.

#### 1- Hội đồng quản trị:

##### 1.1- Thành viên cơ cấu của hội đồng quản trị:

| STT | Họ và tên         | Chức vụ                                 | Tỷ lệ sở hữu cổ phần                          |
|-----|-------------------|---|---|
| 1   | Lê Thanh Tùng     | Chủ tịch HĐQT                           | + Số CP: 133.051 CP<br>(Tỷ lệ nắm giữ: 12,8%) |
| 2   | Lê Hoàng Hà       | Thành viên HĐQT                         | + Số CP: 46.308 CP<br>(Tỷ lệ nắm giữ: 4,5%)   |
| 3   | Nguyễn Chung Hiếu | Kế toán trưởng<br>Thành viên HĐQT       | + Số CP: 60.202 CP<br>(Tỷ lệ nắm giữ: 5,8%)   |
| 4   | Bùi Hữu Dương     | Bí thư Đảng ủy<br>Thành viên HĐQT       | + Số CP: 24.409 CP<br>(Tỷ lệ nắm giữ: 2,4%)   |
| 5   | Vũ Đức Trung      | Trưởng phòng Cơ điện<br>Thành viên HĐQT | + Số CP: 6.074 CP<br>(Tỷ lệ nắm giữ: 0,6%)    |

##### 1.2- Các tiểu ban: Không có

##### 1.3- Hoạt động của hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng của mình, kịp thời thảo luận để đưa ra phương hướng và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của công ty. HĐQT luôn cập nhật tình hình hoạt động của công ty thông qua báo cáo của Ban Giám đốc, đồng thời chỉ đạo Ban Giám đốc giám sát việc thực hiện mục tiêu đã giao.

- Thực hiện chức năng quản lý, giám sát trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp và đã quyết định các nội dung quan trọng, đồng thời kiểm tra việc thực hiện các quy chế quản trị, các quy định do HĐQT ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng.

##### 1.4- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có



1.5- Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

## 2. Ban Kiểm soát:

### 2.1- Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

| STT | Họ và tên      | Chức vụ                  | Tỷ lệ sở hữu cổ phần                        |
|-----|----------------|--------------------------|---|
| 1   | Trần Xuân Hoạt | Trưởng ban kiểm soát     | + Số CP: 2.667 CP<br>(Tỷ lệ nắm giữ: 0,3%)  |
| 2   | Nguyễn Thế Dân | Thành viên ban kiểm soát | + Số CP: 15.038 CP<br>(Tỷ lệ nắm giữ: 1,4%) |
| 3   | Hàn Quốc Huy   | Thành viên ban kiểm soát | + Số CP: 0 CP                               |

### 2.2- Hoạt động của ban kiểm soát:

#### a- Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát công ty

- Ban kiểm soát đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ tổ chức hoạt động của công ty đề ra.

- Đã giám sát các tổ chức, cá nhân thực hiện điều lệ của công ty và việc triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm và mọi vấn đề hoạt động khác của công ty.

#### b- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.

- Mọi tình hình hoạt động của công ty luôn được diễn ra bình thường, sản xuất kinh doanh của công ty ổn định, đời sống, việc làm của người lao động được đảm bảo tốt.

- Các kế hoạch sản xuất đề ra đều thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Hoạt động tài chính của công ty rất minh bạch, chính xác, trung thực, đảm bảo tính hợp pháp và mức độ cẩn trọng trong quản lý và điều hành SXKD.

- Công tác kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý rất đầy đủ, đúng quy định, mọi vấn đề liên quan đến tài chính rất rõ ràng, có số liệu cụ thể.

#### c- Kiểm soát các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị công ty.

- Qua công tác kiểm soát, Ban kiểm soát nhận thấy:

+ Nghị quyết HĐQT trong năm 2020 đề ra tập trung chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư, xây dựng công ty phù hợp với thực tế.

+ Tổ chức các cuộc họp, nội dung, biên bản cuộc họp, các nghị quyết, quyết định và văn bản của HĐQT phù hợp với Luật doanh nghiệp, điều lệ của công ty.

#### d- Kiểm soát các nội dung hoạt động của Ban giám đốc

+ Ban giám đốc đã thực hiện tốt các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ; ban điều hành công ty đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo nghị quyết, quyết định của HĐQT.

+ Các nội dung khác như chi phí đầu vào, các Hợp đồng mua bán vật tư, hàng hóa, chi phí

vận tải ... Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra bằng hình thức ngẫu nhiên. Qua kiểm tra, xem xét Ban kiểm soát thấy phù hợp, thực hiện đúng, chưa phát hiện sai phạm.

+ Các quy chế và quy định của công ty đề ra rất phù hợp với các hình thức hoạt động và tình hình thực tế của công ty cổ phần đã được triển khai và thực hiện.

+ Ban giám đốc đã thực hiện các nhiệm vụ SXKD của công ty trong năm 2020.

3- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:

a- Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích:

| STT | Nội dung                                       | Năm 2020      | Ghi chú |
|-----|--|---------------|---------|
| 1   | Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc | 1.246.104.100 |         |
| 2   | Thù lao HĐQT                                   | Không có      |         |
| 3   | Thù lao Ban kiểm soát                          | Không có      |         |

b- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- Trong năm 2020 có thành viên HĐQT là Vũ Đức Trung được nhận chuyển nhượng CP của bố là Vũ Đức Hợp đã mất (3.680 CP) ngày 30/3/2020.

- Các thành viên HĐQT khác: Không thay đổi

c- Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d- Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Không có

## **VI/ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1- Ý kiến kiểm toán:** Kiểm toán viên Nguyễn Thị Hoài Thu của Công ty TNHH Kiểm toán An Việt – Chi nhánh Hải Phòng nhận xét như sau:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **2- Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

NƠI NHẬN:

- UBCKNN
- SỞ GIAO DỊCH
- WEBSITE CTY

Hải phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2021



**Lê Thanh Tùng**